TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-5-2023
Về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

2. Bà Huỳnh Thị Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Thị Thanh H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã I, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn Công G, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T, xã I, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 30/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh G tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới vào đầu năm 2012, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì sống chung với gia đình chồng tại Ấp T, xã I, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, chồng đi làm ở huyện Bến Lức, tỉnh Long An, chị ở nhà với gia đình chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khi sinh đứa con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn do chị không còn chịu nổi áp lực kinh tế phải nuôi 02 con và mẹ chồng mà

chồng đi làm thì không gửi tiền về lo cho gia đình, một mình chị gồng gánh. Nay chị không còn chịu đựng được nữa, chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị và anh G chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Công D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Nguyễn Công T, sinh ngày xx/xx/xxxx. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Công G đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh G không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lâm Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Công G.

+ Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Công D, sinh ngày 28/7/2014 và Nguyễn Công T, sinh ngày 14/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyễn đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh G vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh G vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh G không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh G kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G đi làm không gửi tiền về lo cho gia đình, một mình chị gồng gánh nuôi hai con nhỏ và mẹ chồng, nay không chịu nổi về áp lực kinh tế nữa, chị yêu cầu ly hôn. Về phía anh G, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, anh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị H và mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị H trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Công D, sinh ngày 28/7/2014 và Nguyễn Công T, sinh ngày 14/3/2016, hiện hai cháu đang sống với mẹ anh G. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị H, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Danh và cháu Phúc có nguyện vọng muốn sống cùng với chị H phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Công G.

2. Về nuôi con chung:

- Giao 02 con chung tên Nguyễn Công D, sinh ngày 28/7/2014 và Nguyễn Công T, sinh ngày 14/3/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị H chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Anh G được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; chị H và các thành viên gia đình không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị Thanh H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0008433 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H. Tân Phú Đông;
- UBND xã I, H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.